TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 752/2024/DS-ST
Ngày: 25-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hồng Hải

2. Bà Lê Phi Yến

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình *tham gia phiên tòa:* Bà Phan Thị Trúc, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 386/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 802/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Trụ sở: Lầu 8, số B - B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D; chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Nhật Kinh K, năm sinh 1987; Địa chỉ liên hệ: Số B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền số 3050/2024/UQ-TGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024. Xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thúy H, năm sinh 1979; Địa chỉ thường trú: Số G (số cũ 92) đường C, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và trong quá trình giải quyết vụ án, có ông Nguyễn Nhật Kinh K là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 06/9/2011, bà Trần Thúy H (viết tắt bà H) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (viết tắt Ngân hàng) ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Căn cứ thu nhập của bà H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2.6%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 339.347.893 đồng và trong quá trình sử dụng thẻ kể từ ngày kích hoạt, bà H không trả cho tiền nợ vốn và lãi theo thỏa thuận, Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện bà H. Tính đến ngày 25/9/2024 số tiền bà H phải trả là 118.785.403 đồng, bao gồm: tiền nợ vốn 58.488.855 đồng, tiền lãi quá hạn 60.296.548 đồng và nợ lãi phát sinh kể từ ngày Tòa án xét xử cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng do hai bên ký kết.

* Bị đơn bà Trần Thúy H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà H.

Tại phiên tòa,

Ông Nguyễn Nhật Kinh K có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bà Trần Thúy H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử là thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 06/9/2011 thể hiện bà H được Ngân hàng phê duyệt cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 50.000.000 đồng và tính đến ngày 25/9/2024, bà H còn thiếu số tiền 118.785.403 đồng, bao gồm: tiền nợ vốn 58.488.855 đồng, tiền lãi quá hạn 60.296.548 đồng. Ngân hàng yêu cầu bà H trả số tiền còn nợ là có căn cứ.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng yêu cầu bà H trả tiền đã vay nên quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà H hiện cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Ngân hàng khởi kiện bà H tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Xét bà H đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Như vậy, bà H đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bà H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật này. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt bà H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về áp dụng pháp luật: Giao dịch dân sự trong vụ án này được thực hiện xong trước ngày 01/01/2017, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về điều khoản chuyển tiếp như sau: "Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết". Do đó, áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án này.

[2] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 13/9/2011 giữa Ngân hàng và bà H. Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng sử dụng thẻ mà các bên giao kết với nhau là đúng quy định của pháp luật về trình tự, cơ chế tín dụng hiện hành, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên theo quy định tại các Điều 6, Điều 8, Điều 90, Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 122, Điều 389, Điều 390 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.2] Xét Ngân hàng yêu cầu bà H trả tiền nợ vốn: Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 13/9/2011 thì giữa bà H và Ngân hàng đã giao kết hợp đồng vay tài sản dưới hình thức sử dụng dịch vụ trả tự động trừ thẻ tín dụng, theo đó bà H được Ngân hàng phê duyệt hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 25/9/2024, bà H còn nợ Ngân hàng tiền nợ vốn 58.488.855 đồng là có căn cứ.

[2.3] Xét Ngân hàng yêu cầu bà H trả tiền lãi: Hội đồng xét xử căn cứ vào điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì tiền lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo mức lãi suất mà Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Cụ thể tại thời điểm bà H ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thì mức lãi suất là 2.15%/tháng theo thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Ngân hàng về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S1 phát hành tại Việt Nam chuyển nợ quá hạn nên bà H phải chịu tiền lãi quá hạn kể từ khi vi phạm. Theo bảng tóm tắt sao kê tính đến ngày 25/9/2024 thì tiền lãi mà bà H phải trả 60.296.548 đồng là có căn cứ.

[2.4] Về thời hạn trả nợ: Xét bà H vay tiền của Ngân hàng nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ, điều này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, thời gian vay đã lâu nên Ngân hàng yêu cầu bà H trả tiền nợ vốn và tiền nợ lãi một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa trả, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả xong khoản nợ gốc này là phù hợp nên được chấp nhận.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà H trả 118.785.403 đồng nên bà H phải chịu án phí trên số tiền phải trả. Án phí mà bà H phải chịu là 5.939.270 đồng theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.502.014 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 122, Điều 389, Điều 390, Điều 471, Điều 475 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 6, Điều 8, Điều 91, Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Luật phí và Lệ phí;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc bà Trần Thúy H trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 118.785.403 (Một trăm mười tám triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm lẻ ba) đồng, bao gồm: tiền nợ vốn 58.488.855 (Năm mươi tám triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn tám trăm năm mươi lăm) đồng và tiền lãi 60.296.548 (Sáu mươi triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi tám) đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Trần Thúy H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa trả, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả xong khoản nợ gốc này.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thúy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5.939.270 (Năm triệu chín trăm ba mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi) đồng.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được hoàn lại số tiền 2.502.014 (Hai triệu năm trăm lẻ hai nghìn không trăm mười bốn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001893 ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần S và bà Trần Thúy H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Tuấn Nhu